

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THANH HÓA
CỤM 8 TRƯỜNG THPT
(ĐỀ CHÍNH THỨC)

ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC SINH GIỎI LẦN 8
NĂM HỌC 2024 – 2025
MÔN: ĐỊA LÍ
Thời gian làm bài: 60 phút
Ngày khảo sát: 21/11/2024
(Đề gồm 06 trang)

Họ tên thí sinh.....; SBD.....; Chữ kí của CBCT:.....

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Đại ôn đới gió mùa trên núi ở nước ta có đất mùn thô chủ yếu do

- A. ít các loại thảm thực vật, nhiệt ẩm giảm, quá trình feralit diễn ra yếu.
- B. quá trình feralit chấm dứt, quanh năm có mây mù, nhiệt độ rất thấp.
- C. nhiệt độ giảm, lượng mưa tăng, quá trình feralit yếu, tích lũy mùn tăng.
- D. nhiều loại thảm thực vật, nhiệt ẩm cao, quá trình feralit diễn ra mạnh.

Câu 2. Hoạt động nội thương nước ta có sự phân hóa theo lãnh thổ chủ yếu do sự khác biệt về

- A. khả năng liên kết, mức độ hội nhập.
- B. trình độ dân trí, chất lượng lao động.
- C. vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên.
- D. năng lực sản xuất, mức sống dân cư.

Câu 3. Kim ngạch nhập khẩu của nước ta trong những năm gần đây tăng khá mạnh là do

- A. dân số đông, nhu cầu tiêu dùng cao, trong khi sản xuất chưa phát triển.
- B. kinh tế nước ta phát triển chậm nên chưa đáp ứng nhu cầu trong nước.
- C. nhu cầu lớn về nguyên, nhiên liệu, máy móc phục vụ sản xuất, tiêu dùng.
- D. phần lớn dân cư chỉ dùng hàng ngoại nhập, không dùng hàng trong nước.

Câu 4. Biện pháp quan trọng nhất để duy trì xuất siêu ở nước ta là

- A. tăng cường hợp tác, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
- B. đẩy mạnh sản xuất, hạn chế nhập khẩu hàng hóa.
- C. đẩy mạnh sản xuất, nâng cao chất lượng hàng hóa.
- D. giảm nhập khẩu các nguyên liệu, tư liệu sản xuất.

Câu 5: Nguyên nhân chủ yếu gây ra sự phân hóa nhiệt độ vào tháng I ở miền khí hậu phía Bắc của nước ta là

- A. cánh cung đón gió, frông cực, chuyển động biểu kiến của Mặt Trời.
- B. các dãy núi cao, gió mùa đông hoạt động thất thường, frông cực.
- C. gió đông bắc, độ cao địa hình, phạm vi trải dài trên nhiều vĩ độ.
- D. gần chí tuyến Bắc, địa hình phân hóa đa dạng, dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 6. Vì sao ở miền Bắc của nước ta, gió mùa Đông Bắc hoạt động không liên tục mà thổi từng đợt?

- A. Tín phong Bắc bán cầu hoạt động xen kẽ gió mùa Đông Bắc.
- B. Địa hình núi cao nên khối khí lạnh phương Bắc khó xâm nhập.
- C. Gần chí tuyến Bắc nên gió mùa Đông Bắc thổi đến sẽ yếu dần.
- D. Áp cao Xi-bia hình thành không liên tục và có sự dịch chuyển.

Câu 7: Giải pháp nào dưới đây nhằm giảm tình trạng di dân tự do ở các vùng núi, trung du?

- A. Giao đất, giao rừng cho dân, phát triển và mở rộng mạng lưới các đô thị.
- B. Nâng cấp và hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng, xoá đói giảm nghèo.
- C. Thực hiện tốt chương trình kế hoạch hóa gia đình, xoá đói giảm nghèo.
- D. Xoá đói giảm nghèo, thành lập vùng định cư, giao đất, giao rừng cho dân.

Câu 8: Kết quả nào sau đây là lớn nhất của quá trình đẩy mạnh phát triển kinh tế ở nước ta?

- A. Hình thành các vùng chuyên canh và khu công nghiệp.

- B. Hình thành các vùng động lực và khu công nghệ cao.
- C. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành các khu chế xuất.
- D. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phân hóa các vùng sản xuất.

Câu 9. Nhân tố nào sau đây là chủ yếu nhằm đảm bảo cho sự tăng trưởng bền vững của nền kinh tế nước ta hiện nay?

- A. Xác định cơ cấu kinh tế hợp lý, đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.
- B. Giảm tỉ trọng khu vực nông - lâm - ngư nghiệp, tăng công nghiệp - xây dựng.
- C. Chuyển dịch cơ cấu ngành sản xuất, tiến hành đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm.
- D. Hình thành các vùng động lực phát triển và các vùng trọng điểm về kinh tế.

Câu 10. Giải pháp nào sau đây là quan trọng nhất để ổn định sản xuất cây công nghiệp ở nước ta?

- A. Mở rộng thị trường, đẩy mạnh công nghiệp chế biến.
- B. Mở rộng thị trường, hình thành các vùng chuyên canh.
- C. Đẩy mạnh công nghiệp chế biến, thay đổi giống cây trồng.
- D. Hình thành các vùng chuyên canh, thay đổi giống cây trồng.

Câu 11. Ngư trường Cà Mau - Kiên Giang là một trong những ngư trường lớn nhất nước ta do khu vực này có

- A. các dòng hải lưu, thềm lục địa nông, nhiều cửa sông và bãi triều.
- B. bờ biển khúc khuỷu, nhiều vùng vịnh, đầm phá, các đảo ven bờ.
- C. các dòng hải lưu, nhiều cửa sông lớn, biển sâu, địa hình đa dạng.
- D. bờ biển khúc khuỷu, hệ thống đảo ven bờ dày đặc, cửa sông lớn.

Câu 12: Duyên hải cực Nam Trung Bộ có lượng mưa thấp nhất cả nước chủ yếu là do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Ít chịu ảnh hưởng của các cơn bão, Tín phong Bắc bán cầu hoạt động rất mạnh.
- B. Hướng của các dãy núi song song với hướng gió Đông Bắc, khuất gió Tây Nam.
- C. Địa hình thấp dần về phía biển, chịu tác động của gió đất, gió biển và có ít bão.
- D. Nằm ở vị trí đón gió mùa Đông Bắc, ít chịu ảnh hưởng của dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 13 : Nguồn gốc hình thành chủ yếu của dải đồng bằng Duyên hải Miền Trung nước ta là

- A. trầm tích biển lắng vào các đứt gãy, một số nơi có sự bồi đắp của phù sa sông.
- B. chủ yếu do phù sa của các hệ thống sông miền Trung bồi tụ, tác động của biển.
- C. tác động của thủy triều và các quá trình biến tiến, biển lùi bồi tụ nên đồng bằng.
- D. tác động của sóng biển, ảnh hưởng của các mạch núi Trường Sơn lan ra sát biển.

Câu 14. Sự phân hóa lãnh thổ công nghiệp là kết quả tác động của các nhân tố chủ yếu là

- A. điều kiện tự nhiên, nguồn tài nguyên thiên nhiên, dân cư và lao động.
- B. nguồn lao động, cơ sở vật chất-kĩ thuật, thị trường, nguồn tài nguyên.
- C. vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, chính sách phát triển của công nghiệp.
- D. vị trí địa lí, tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội.

Câu 15. Công nghiệp sản xuất điện ngày càng phát triển do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Nhiều tiềm năng để phát triển, vốn đầu tư lớn, nhu cầu ngành kinh tế.
- B. Sự phát triển kinh tế, mức sống được nâng cao, có tiềm năng phát triển.
- C. Được sử dụng rộng rãi trong sinh hoạt, vốn đầu tư ngành điện lực lớn.
- D. Nguồn vốn lớn, chất lượng cuộc sống được nâng cao, nhiều sông, suối.

Câu 16. Khối khí từ vịnh Bengan vượt Trường Sơn di chuyển tới Bắc Trung Bộ theo hướng Tây Nam do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Bề mặt đệm là đồng bằng ven biển cấu tạo bởi vật liệu phù sa biển, cát và ít thực vật.
- B. Lực Côriôlit và áp thấp Bắc Bộ phát triển mạnh với tâm áp ở Đồng bằng sông Hồng.
- C. Đồi núi thấp chiếm ưu thế, hướng núi tây bắc - đông nam vuông góc với hướng gió.
- D. Lực Côriôlit và sự chênh lệch nhiệt độ không khí giữa hai sườn của dãy Trường Sơn.

Câu 17. Việc nâng cao năng suất lao động và thu nhập cho người lao động nước ta có ý nghĩa chính là

- A. giúp phân bố dân cư hợp lý giữa các vùng miền.
- B. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa.
- C. tăng nguồn vốn cho đầu tư, tái tạo sức lao động.
- D. đẩy nhanh quá trình phân công lao động xã hội.

Câu 18. Thành phần kinh tế ngoài Nhà nước chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế nước ta chủ yếu là do

- A. chính sách ưu đãi, khuyến khích phát triển của Nhà nước, thu nhập cao.
- B. chính sách mở cửa hội nhập, đầu tư lớn, thu nhập cao và luôn ổn định.
- C. các hoạt động kinh tế đa dạng, phù hợp với nhiều đối tượng lao động.
- D. không yêu cầu trình độ, thu nhập ổn định, ứng dụng khoa học kỹ thuật.

Câu 19. Tác động chủ yếu của việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến đến sản xuất nông nghiệp nước ta là

- A. ổn định và phát triển các vùng chuyên canh.
- B. nâng cao chất lượng lao động của nông thôn.
- C. mở rộng thị trường trong nước và quốc tế.
- D. đa dạng hóa mặt hàng nông sản quan trọng.

Câu 20. Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các tuyến đường bộ ở trung du và miền núi nước ta là

- A. trao đổi nông sản, khai thác khoáng sản, phục vụ nhu cầu người dân.
- B. khai thác tiềm năng về nông nghiệp, công nghiệp, phát triển du lịch.
- C. khai thác tài nguyên, trao đổi hàng hóa, phục vụ nhu cầu người dân.
- D. khai thác khoáng sản, lâm sản, tạo điều kiện phát triển ngành du lịch.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/ SAI

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Cho thông tin sau:

Tháng mưa cực đại ở Bắc Bộ là tháng VIII, ở Bắc Trung Bộ là tháng IX, ở Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ là tháng X - XI, ở Tây Nguyên và Nam Bộ lại là IX - X. Như vậy sự hoạt động của dải hội tụ nội chí tuyến là nguyên nhân gây mưa chính ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ, còn ở Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ có thêm mưa địa hình và mưa frông.

a) Bắc Bộ có mưa nhiều vào mùa hạ chủ yếu do tác động của Tín phong bán cầu Bắc và địa hình vùng núi.

b) Nguyên nhân tháng mưa cực đại lùi dần từ Bắc vào Nam là do sự lùi dần của dải hội tụ nhiệt đới.

c) Mùa mưa của vùng khí hậu Nam Trung Bộ đến muộn hơn so với cả nước chủ yếu do địa hình khuất gió.

d) Dải hội tụ hướng vĩ tuyến ở nước ta nằm giữa hai khối khí Bắc Ấn Độ Dương và chí tuyến bán cầu Nam.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Việt Nam hiện tồn tại hai thực trạng về dân số, vừa trong giai đoạn dân số vàng, vừa đang trong quá trình già hóa dân số. Do đó, đây là thời điểm tốt để nước ta có những chính sách hợp lý nhằm kéo dài thực trạng dân số vàng và ứng phó với xu hướng già hóa dân số.

a) Cơ cấu dân số vàng ở nước ta đang đi vào giai đoạn những năm cuối cùng của quá trình phát triển dân số.

- b) Dân số vàng cũng đặt ra thách thức với nước ta là chất lượng lao động còn chưa cao, thiếu hụt lao động có tay nghề.
- c) Cơ cấu dân số nước ta có xu hướng già hóa chủ yếu do kinh tế còn kém phát triển.
- d) Để tận dụng lợi thế của thời kì “dân số vàng” thì nước ta cần phải gia tăng giải quyết việc làm và thực hiện chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Diện tích lúa phân theo vùng của nước ta, giai đoạn 2015 - 2021

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	2015	2019	2020	2021
CẢ NƯỚC	7828	7469,9	7278,9	7238,9
Đồng bằng sông Hồng	1110,9	1012,3	983,4	970,3
Trung du và miền núi Bắc Bộ	684,3	669	665,2	662,2
Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ	1220,5	1208,2	1157,7	1198,7
Tây Nguyên	237,5	243,7	246,9	250,2
Đông Nam Bộ	273,3	267,4	262	258,9
Đồng bằng sông Cửu Long	4301,5	4069,3	3963,7	3898,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

- a) Năm 2021 diện tích lúa của Đồng Sông Cửu Long lớn nhất, Tây Nguyên nhỏ nhất.
- b) Tỷ trọng diện tích lúa Đồng Bằng Sông Hồng chiếm trên 15% cả nước năm 2021.
- c) Giai đoạn 2015 - 2021 tỷ trọng diện tích lúa của Bắc Trung Bộ và duyên hải nam trung bộ và Đông Nam Bộ giảm liên tục.
- d) Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện thay đổi cơ cấu diện tích lúa phân theo vùng của nước ta năm 2015 và 2021.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Tại Việt Nam hiện nay đang có 385 công trình thủy điện đang vận hành, với tổng công suất lắp đặt 18.564 MW, hiện đang xây dựng 143 dự án thủy điện với tổng công suất lắp đặt 1.848 MW. Thủy điện hiện đang là nguồn sản xuất năng lượng điện lớn tại Việt Nam hiện nay, chiếm khoảng 27% toàn ngành.

- a) Nhiều nhà máy thủy điện được xây dựng ở nước ta do tiềm năng thủy điện lớn.
- b) Ý nghĩa về mặt xã hội của các nhà máy thủy điện ở vùng núi là giải quyết việc làm cho lao động tại chỗ.
- c) Các nhà máy thủy điện có khả năng tạo ra khí mê-tan, là một loại khí nhà kính, gây ảnh hưởng đến khí hậu của Trái Đất.
- d) Các con sông lớn của nước ta hầu hết bắt nguồn từ ngoài lãnh thổ, khó khăn cho việc chủ động trong sử dụng nguồn thủy năng.

Câu 5. Cho thông tin sau:

Trong những năm gần đây hoạt động ngoại thương có nhiều chuyển biến tích cực. Năm 2023 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa là 681,1 tỉ USD. Kim ngạch xuất khẩu đạt 354,7 tỉ USD, nhập khẩu đạt 326,4 tỉ USD. Thị trường buôn bán ngày càng mở rộng theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa. Hàng hóa xuất nhập khẩu phong phú, tỷ trọng nhóm hàng chế biến tăng tạo điều kiện để Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

- a) Năm 2023 Việt Nam là nước xuất siêu.
- b) Mặt hàng nhập khẩu chính của nước ta là máy móc, nông sản, thủy sản, dệt may, da giày.
- c) Tỷ trọng hàng chế biến tăng do khoa học kỹ thuật phát triển, phù hợp với thị trường, sử dụng hiệu quả vốn đầu tư.

d) Giá trị xuất khẩu của nước ta tăng trong thời gian gần đây là do sản xuất phát triển, mở rộng thị trường.

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình và lượng mưa các tháng trong năm 2021 tại một địa điểm ở nước ta

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ ($^{\circ}C$)	18,2	21,1	24,3	26,8	29,4	30,6	30,0	30,5	27,2	25,2	22,8	20,4
Mưa (mm)	190,3	361,1	112,4	68,6	1,7	32,0	27,0	52,6	535,6	1438,3	825,9	490,4

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

- a) Nhiệt độ trung bình các tháng là trên $25^{\circ}C$, vượt chỉ tiêu khí hậu nhiệt đới.
b) Mùa khô diễn ra sâu sắc nhất vào mùa hạ.
c) tổng lượng mưa lớn, chênh lệch không nhiều giữa các tháng, mưa cực đại vào tháng 10.
d) địa điểm trên thuộc miền bắc và đông bắc bắc bộ.

PHẦN III. CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6*

Câu 1. Biết nhiệt độ trên đỉnh của một ngọn núi là $12,5^{\circ}C$, nhiệt độ chân núi sườn đón gió trong điều kiện tiêu chuẩn là $30,0^{\circ}C$. Tính độ cao của đỉnh núi (*làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m*).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Số dân của nước ta phân theo giới tính, giai đoạn 2010 - 2022

(Đơn vị: Triệu người)

Năm	2010	2015	2020	2022
Nam	43,1	45,8	48,6	49,6
Nữ	44,0	46,4	49,0	49,9

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Cho biết tỉ số giới tính của nước ta năm 2022 tăng lên bao nhiêu % so với năm 2010? (*làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của %*)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Sản lượng và năng suất lúa của nước ta, giai đoạn 2018 - 2021

Năm	2018	2019	2020	2021
Sản lượng (Nghìn tấn)	17945,5	15685,6	11534,6	10740,9
Năng suất (tạ/ha)	666,4	659,3	622,0	647,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Cho biết tốc độ tăng trưởng của diện tích lúa nước ta năm 2021 giảm đi bao nhiêu % so với năm 2018 (coi năm 2018 = 100%)? (*làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của %*)

Câu 4. Giả sử một tàu biển đang ngoài khơi, có vị trí cách đường cơ sở 17,2 hải lí. Vậy, con tàu đó cách ranh giới ngoài về phía biển của vùng đặc quyền kinh tế theo đường chim bay là bao nhiêu km? (*làm tròn kết quả đến hàng đơn vị*)

Câu 5: Cho bảng sau:

Dân số và diện tích của một số nước Đông Nam Á, tính đến giữa năm 2020

Nước	Bru-nây	Cam-pu-chia	In-đô-nê-xi-a	Lào	Phi-li-pin	Thái Lan	Việt Nam
Dân số (triệu người)	0,5	15,5	271,7	7,2	109,6	66,5	97,6
Diện tích (km ²)	5 270	176 520	1811 570	230 800	298170	510890	331212

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Mật độ dân số năm 2020 của Việt Nam gấp bao nhiêu lần mật độ dân số của Thái Lan (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân)

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Trị giá xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa của nước ta, giai đoạn 2010 - 2021

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2010	2015	2020	2021
Xuất khẩu	72,2	162,0	282,6	336,1
Nhập khẩu	84,8	165,7	261,8	332,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)

Tỉ lệ xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2021 là bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

.....**HẾT**.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THANH HÓA
CỤM 8 TRƯỜNG THPT
(ĐÁP ÁN CHÍNH THỨC)

**KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC SINH GIỎI
LẦN 8 NĂM HỌC 2024 – 2025**
MÔN: ĐỊA LÍ

I. ĐÁP ÁN

PHẦN I.

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	11	A
2	D	12	B
3	C	13	A
4	C	14	D
5	C	15	B
6	D	16	B
7	D	17	D
8	D	18	C
9	A	19	A
10	A	20	C

PHẦN II.

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)
-----	----------	-----------------	-----	----------	-----------------

1	a	S	4	a	Đ
	b	Đ		b	S
	c	S		c	Đ
	d	S		d	Đ
2	a	S	5	a	Đ
	b	Đ		b	S
	c	S		c	Đ
	d	S		d	Đ
3	a	Đ	6	a	Đ
	b	S		b	Đ
	c	S		c	S
	d	S		d	S

PHẦN III.

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	2917	4	339
2	1,4	5	2,3
3	38,4	6	101

II. ĐÁP ÁN CHI TIẾT CHO CÁC CÂU VẬN DỤNG VÀ VẬN DỤNG CAO**PHẦN II.**

1.d. dải hội tụ chí tuyến chạy theo hướng vĩ tuyến vắt ngang qua lãnh thổ nước ta là giữa 2 khối khí tây Thái Bình Dương và chí tuyến nam bán cầu.

3. d. biểu đồ thích hợp nhất là biểu đồ tròn.

4. b. ý nghĩa về mặt xã hội của các nhà máy thủy điện ở vùng núi là giúp cải thiện chất lượng cuộc sống, cơ sở hạ tầng, giáo dục, y tế cho người dân.

5. b. mặt hàng nhập khẩu chính không phải là nông sản, thủy sản, dệt may, da giày

6. d. địa điểm không thuộc miền bắc và đông bắc bắc bộ do mưa tập trung vào thu đông

PHẦN III.

Câu 1: $(30 - 12,5) : 0,6 \times 100 = 2917m$

Câu 2:

- Tỉ số giới tính năm 2010: $(43,1 : 44,0) \times 100 = 97,95455\%$

- Tỉ số giới tính năm 2022: $(49,6 : 49,9) \times 100 = 99,3988\%$

Đáp án: $99,3988 - 97,95455 \approx 1,4$

Câu 3:

- Diện tích mía năm 2018 là: $17945,5 : 66,64 = 269,2902$ nghìn ha.
- Diện tích mía năm 2021 là: $10740,9 : 64,74 = 165,9082$ nghìn ha.
- Tốc độ tăng trưởng diện tích mía năm 2021 so với năm 2018 là:
 $(165,9082 : 269,2902) \times 100 = 61,60945 \%$.

Đáp án: $100 - 61,60945 \approx 38,4$

Câu 4:

($200 - 17,2$) $\times 1,852 \approx 339$ km

.....HẾT.....